



VƯỜN CUNG ĐÌNH VIỆT NAM – LỊCH SỬ, HIỆN TRẠNG VÀ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU, PHỤC HỒI

TS Phan Thanh Hải*

1. Về khái niệm “vườn cung đình”

Để hiểu về khái niệm “vườn cung đình”, trước hết cần bàn về khái niệm “vườn” truyền thống. Theo quan điểm kiến trúc phương Đông, vườn là “một không gian kiến trúc dựa vào hình thể thiên nhiên để tạo nên không gian trữ tình có sự kết hợp giữa các yếu tố tự nhiên và kiến trúc, đặc biệt khai thác triệt để các yếu tố sông hồ, núi đồi, cây xanh và hoa trái, khai thác triệt để các yếu tố về đá, nước và cây”¹.

Theo *Trung Quốc cổ đại kiến trúc từ điển*, xét về nguyên tự của chữ “VIÊN” (園) có nghĩa là một khu vực có tường bao bọc bốn phía, bên trong có núi đất, hồ nước, rừng cây..., một không gian dùng để dạo chơi, thưởng lãm. Chữ “viên” nghĩa là vườn về sau thường được dùng kép là “viên lâm”. Viên lâm cổ điển của Trung Quốc là một nghệ thuật cấu trúc vườn được xuất hiện và phát triển thuận theo sự phát triển của văn minh cổ đại Trung Quốc. Từ khoảng trên 2.000 năm trước đã xuất hiện các uyển hựu của vua chúa, sau đó là các vườn của tư nhân, về sau loại hình vườn tư nhân ngày càng phát triển và trở thành một bộ phận chủ yếu của nghệ thuật kiến trúc vườn Trung Hoa. Kiến trúc khởi đầu của viên lâm Trung Quốc đều là “thái thổ trúc sơn” (lấy đất đắp núi) hoặc “thâm lâm tuyệt gián” (giữa rừng sâu tạo dòng nước chảy quanh co), tức mô phỏng theo tự nhiên để tạo nên cảnh sơn thủy kỳ thú. Sau đó tiến tới đắp đá làm núi hoặc xây lầu các trùng điệp².

Như vậy, loại hình vườn cung đình Trung Quốc có nguồn gốc từ các “uyển hựu” thời cổ đại, là nơi bậc đế vương nuôi dưỡng cảm thú, trong trồng rừng cây, hoa cỏ như viên lâm để phục vụ việc giải trí; về sau vườn hoa phát triển chiếm vị

* Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế.

trí chủ đạo để trở thành các ly cung của hoàng đế. Ngoài việc bố trí như một vườn cảnh để thưởng lãm, các ly cung này còn bao gồm cả các kiến trúc đóng vai trò là nơi triều hạ, giải quyết các công việc chính sự của hoàng đế, nơi ăn ở của hậu phi và những người phục vụ, nơi cung ứng các nhu cầu sinh hoạt cũng như các kiến trúc miếu vũ phục vụ việc cúng tế... Những nhu cầu đó quyết định đến tính chất linh hoạt, sự tinh tế, sự khoáng đạt và phong phú của kiến trúc uyển hựu.

Ngoài ra, vườn cung đình Trung Quốc còn có cung uyển hay ngự uyển, đó là loại vườn có quy mô nhỏ nằm ngay trong hoàng cung.

Cho đến ngày nay, ở Trung Quốc vẫn còn bảo tồn được ở dạng khá nguyên vẹn hay di chỉ cả những uyển hựu hay ly cung với quy mô rất lớn như Di Hoà Viên, Viên Minh Viên, hành cung Nhiệt Hà... và cả những cung uyển có quy mô nhỏ như Ngự Hoa Viên, Càn Long Hoa Viên, Từ Ninh Hoa Viên, Tây Hoa Viên v.v... (ngay trong Tử Cấm thành Bắc Kinh). Các loại hình vườn cung đình trên dù lớn hay nhỏ thì đều đã được các hoàng đế Trung Hoa tập trung rất nhiều tài lực, thợ khéo và trí tuệ để thiết kế, thi công; chúng cũng được xem là một bộ phận quan trọng và tinh túy nhất của nghệ thuật kiến trúc viên lâm Trung Hoa.

Từ Trung Quốc, từ hàng ngàn năm trước, nghệ thuật kiến trúc vườn, trong đó có vườn cung đình đã ảnh hưởng lan toả đến nhiều nước, đặc biệt là các nước trong nhóm “Đông văn”, trong đó có Việt Nam.

Vườn cung đình Việt Nam là hình thái kiến trúc cảnh quan do triều đình xây dựng để phục vụ cho nhu cầu nghỉ ngơi, thưởng lãm của bậc vua chúa, vì thế cũng có các tên ngự uyển, cung uyển, ngự viên... gọi chung là vườn ngự. Dĩ nhiên, vườn ngự chỉ xuất hiện cùng với sự ra đời của chế độ quân chủ phong kiến.

2. Lịch sử hình thành, phát triển của vườn cung đình Việt Nam

2.1. Vườn cung đình Việt Nam trước thời Nguyễn

Cho đến nay, vì thiếu tài liệu nên chúng ta chưa thể biết, trước thời Bắc thuộc, hình thái vườn cung đình đã xuất hiện như thế nào và có diện mạo ra sao. Chỉ đến các triều đại Đinh, Tiền Lê, khi nước ta giành được độc lập, xây dựng kinh đô tại Hoa Lư (Ninh Bình) thì chúng ta mới có thể thấy hình bóng các khu vườn cung đình qua một vài dòng sử liệu ngắn gọn.

Kinh đô Hoa Lư ở vùng núi đá vôi, bán sơn địa, quang cảnh hữu tình nhiều sông suối, ao hồ. Xét về tổng thể thì đã như một vườn cảnh thiên nhiên rộng lớn. Kinh đô Hoa Lư tuy quy mô không lớn nhưng lại sẵn có các thắng cảnh tự nhiên rất đẹp. Tận dụng những ưu thế này, vua Lê thường tổ chức các cuộc vui chơi như đua thuyền, đánh cá. Cũng từ đây, kể từ năm 985, vào Rằm tháng bảy, nhân ngày sinh của vua, triều đình đã tổ chức một cuộc vui trên sông khá đặc biệt: sai người

lấy tre làm núi giả trên thuyền ở giữa sông, bên sườn núi có cài hoa lá để vua ngắm xem.

Đến thời Lý, khi kinh đô chuyển về Thăng Long, việc tổ chức sinh nhật cho nhà vua vẫn được làm theo cách thức trên, quy mô lại có phần lớn hơn. *Đại Việt sử ký toàn thư* có ghi:

"Mậu Thìn (Thuận Thiên) năm thứ 19 (1028), tháng 6, lấy ngày sinh của vua làm tiết Thiên Thánh. Lấy tre làm núi Vạn tuế Ngọc sơn ở Long Trì: kiêu núi làm thành năm ngọn, trên đỉnh ngọn ở giữa dựng núi Trường Thọ, trên đỉnh bốn ngọn chung quanh đều đặt án Bạch Hạc, trên núi làm các hình dạng chim bay thú chạy, lưng chừng núi có rồng thân uốn quanh, cắm xen các thứ cờ treo lẫn vàng ngọc, sai con hát thổi sáo, thổi kèn trong hang núi, đờn ca tấu múa làm vui, cho các quan ăn yến. Quy chế núi năm ngọn bắt đầu từ đây"³.

Đây có thể xem là hình thức tiền thân của việc đắp đảo giữa hồ và đắp hòn non bộ theo kiểu "Thần tiên tam đảo"⁴ mà sau này chúng ta thường gặp.

Cũng trong thời Lý, hình thái kiến trúc vườn cung đình (dưới tên gọi Ngự uyển hay vườn Ngự) đã xuất hiện khá nhiều. Các vua Lý đã cho lập không ít khu vườn ở Kinh đô Thăng Long.

"Tân Hợi (Thiên Thuận) năm thứ 4 (1031), tháng 9, mở vườn Bảo Hoà"⁵.

"Năm Mậu Tý (năm 1048), năm Thiêm Cảm Thánh Vũ thứ 5, mùa thu tháng 9, mở ba khu vườn: Quỳnh Lâm, Thăng Cảnh, Xuân Quang"⁶.

"Năm Tân Mão (năm 1051), năm Sùng Hưng Đại Bảo thứ 3: đào hồ Thụy Thanh và ao Ứng Minh ở vườn Thăng Cảnh"⁷.

"Năm Ất Tỵ (năm 1065), Năm Chương Thánh Gia Khánh thứ 7: tháng 8, mở vườn Thượng Lâm"⁸.

Dưới thời Trần, vườn Ngự đã được đề cập rõ ràng và cụ thể hơn. Khái niệm vườn Ngự cũng như quy mô, cấu trúc của các Ngự uyển đã được đề cập một cách cụ thể trong sử liệu. *Đại Việt sử ký toàn thư* có mô tả khá chi tiết:

"Quý Mão (Đại Trị) năm thứ 6 (1363) Nguyên Chí Chính năm thứ 23. Mùa đông, tháng 10, đào hồ ở vườn Ngự trong Hậu cung. Trong hồ xếp đá làm núi, bốn mặt đều khai ngòi cho chảy thông nhau. Trên bờ hồ trồng thông, tre và các thứ hoa lạ. Lại nuôi chim quý, thú lạ trong đó. Phía tây hồ trồng 2 cây quế, dựng điện Song Quế. Lại gọi tên điện là điện Lạc Thanh, tên hồ là hồ Lạc Thanh. Lại đào một hồ nhỏ khác. Sai người Hải đông chở nước mặn chứa vào đó, đem các thứ hải vật như đồi mồi, cua, cá, nuôi trong hồ. Lại sai người Hoá Châu chở cá sấu đến thả vào đó. Lại có hồ Thanh Ngự để thả cá Thanh Phụ (cá diếc). Đặt chức khách đô để trông coi"⁹.

Tư liệu trên cho chúng ta thấy quy mô vườn cung đình dưới thời Trần đã khá lớn. Trong vườn có nhiều hồ nước dùng làm nơi nuôi giữ các loại thủy sinh lạ đem đến từ nhiều địa phương. Qua những dòng mô tả trên cũng có thể thấy cấu trúc của loại hình vườn này đã có đầy đủ các thành phần: mặt nước (hồ, ao), đá (đá, non bộ đắp thành núi), cây cối và các loại động vật nuôi (chim quý, thú lạ, đôi môi, cua, cá sấu, cá diếc...). Đặc biệt trong vườn cung đình thời Trần còn có hồ nước mặn để nuôi hải sản. Điều này rất đặc biệt vì các vườn Ngự của các triều đại trước và sau đó, kể cả các vườn Ngự của triều Nguyễn, cũng không có cách thức này.

Các triều đại tiếp theo, các vua chúa cũng thi nhau xây dựng vườn Ngự phục vụ cho nhu cầu hưởng lạc của mình. Dưới thời Hậu Lê, đặc biệt là thời các vua Tương Dực, Uy Mục, triều đình đã huy động một lực lượng nhân công, thợ khéo trong cả nước về xây dựng mới các cung điện, khu vườn hoặc cải tạo các thắng cảnh tự nhiên quanh Kinh đô Thăng Long để phục vụ nhu cầu ăn chơi của nhà vua:

“Năm Nhâm Thân (1512), đang trong lúc đại hạn, nhân dân gặp nạn đói to, Tương Dực lại nghe theo lời của người thợ Vũ Như Tô cho khởi công xây dựng đại điện trong cung gồm 100 nóc. Năm sau, vua lại cho xây điện Mục Thanh ở trước điện Phụng Thiên. Năm 1514, Tương Dực huy động quân dân đắp thành Thăng Long to rộng mấy ngàn trượng, từ phía đông đến phía tây bắc, bao vây cả điện Tường Quang, quán Chân Vũ, chùa Thiên Hoa ở phường Kim Cổ, chắn ngang sông Tô Lịch, trên đắp hoàng thành, dưới làm cửa cống, dùng ngói vữa và đất đá nện xuống, lấy đá phiến và gạch vuông xây lên, lấy sắt xuyên ngang. Lại làm thuyền chiến, sai thợ vẽ kiểu, sai bọn nữ sử trần truồng chèo thuyền chơi trên hồ Tây, vua cùng chơi, lấy làm vui thích lắm”¹⁰.

Sang thời Lê Mạt, sự phát triển của hình thái vườn cung đình tỷ lệ thuận với sự ăn chơi ngày càng trác táng của giai cấp thống trị. Ở Đàng Ngoài, các bậc vua chúa đã thi nhau xây dựng các loại vườn Ngự và sưu tập các loại “cầm hoa dị thảo” về trong khu vườn của mình. Về sau, do sự bùng phát mạnh mẽ của nhu cầu xây vườn, giai cấp cầm quyền thường sai người đi thu nhặt hết các loại cây cảnh có giá trị ở trong vườn của dân chúng về trồng trong vườn Ngự. Sự cướp bóc này khiến các tầng lớp nhân dân rất bất bình và có những phản ứng, nhiều người có vườn cảnh phải đập non bộ, phá chậu hoa để tránh tai vạ. Từ đó thú chơi vườn cảnh của giai cấp thống trị trở thành một thú chơi xa hoa vô độ trong mắt thường dân và những vị quan thanh liêm. Điều này đã được Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác và Phạm Đình Hổ đề cập trong các tác phẩm của mình. Trong *Thượng kinh ký sự*, Hải Thượng Lãn Ông viết:

“... Người truyền lệnh dẫn tôi qua mấy lần cửa nữa, theo đường bên trái mà đi. Tôi ngẩng đầu lên đâu đâu cũng là cây cối um tùm, chim kêu ríu rít, danh hoa

đưa thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương. Những dãy hành lang quanh co nối tiếp nhau. Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi. Vệ sỹ canh giữ cửa cung ai muốn ra vào phải có thẻ..."¹¹.

"Tôi nhớ một người lính dẫn đường, qua cửa bên phải rồi đi. Quanh co hơn một dặm, đâu đâu cũng là lầu, đài, đình, gác, cửa ngọc, rèm châu, long lanh chiếu xuống đáy nước, cao vút tận trời xanh. Hai bên đường toàn là hoa thơm cỏ lạ, những loài thú lạ, những con chim đẹp bay nhảy, hót vang, từ dưới đất bằng nhô lên một ngọn núi cao; cây cổ thụ, bóng che râm mát. Một cái cầu son bắc ngang qua dòng nước uốn quanh, đá hoa làm lan can. Tôi vừa đi vừa ngắm: thực không khác gì một cảnh tiên"¹².

Phạm Đình Hồ trong *Vũ trung tùy bút* cũng có những đoạn mô tả quang cảnh vườn Ngự trong phủ chúa Trịnh:

"Buổi ấy, bao nhiêu những loài cây trăn cầm dị thú, cổ mộc, quái thạch và chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian, Chúa đều ra sức thu lấy, không thiếu một thứ gì. Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non, hốc đá, rễ dài đến vài trượng, phải một số binh mới khiêng nổi, lại bốn người đi làm, đều cầm gươm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ chúa, tùy chỗ điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bến bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa xa gió táp"¹³.

Còn ở Đàng Trong, sau khi chúa Nguyễn cát cứ và lập một vương quốc riêng, vườn cung đình cũng đã xuất hiện tại các thủ phủ ở Kim Long, rồi Phú Xuân.

Sử triều Nguyễn có ghi rõ, từ khi chúa Nguyễn Phúc Thái dời thủ phủ từ Kim Long về Phú Xuân, năm 1687, đã cho "... xây cung điện, trước mặt đào hồ lớn, trồng hoa cỏ cây cối, thể chế tráng lệ"¹⁴. Gần 90 năm sau, khi cùng quân Trịnh vào Thuận Hoá, Lê Quý Đôn đã tỏ ra hết sức thán phục sự rực rỡ, phần hoa của Kinh đô Phú Xuân. Đáng chú ý là trong sự mô tả của ông về Kinh thành Phú Xuân, ngoài các khu phủ đệ nhà vườn của quan lại, thân vương nằm dọc hai bờ sông Hương, sông An Cựu, chúng ta còn thấy thấp thoáng hình ảnh của các khu vườn Ngự trong phủ chúa: "Ở vườn hậu uyển thì có non bộ, đá lạ, hồ vuông, hào cong, cầu vòng thủy tạ"¹⁵.

Hình ảnh này trở nên cụ thể, sinh động hơn qua lời mô tả của một nhân chứng đương thời, giáo sỹ Jean Koffler, bác sỹ riêng¹⁶ của Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát:

"Trong phủ chúa có một khu vườn lớn, đây là một trong các khu vườn đẹp nhất của Kinh thành. Vườn trồng rất nhiều loại hoa, có những loại hoa được đưa

từ nước ngoài về cùng nhiều loại cây hoa khác. Người ta trồng chúng không những ngay trên mặt đất phủ cát trắng mà còn trồng trong các chậu bằng đất sét có sơn hoặc trong các chậu sứ được chế tác tinh tế. Tất cả được sắp đặt cực kỳ công phu, tạo nên sự phong phú và quyến rũ đặc biệt của khu vườn.

Cũng có những bể cá lớn nuôi những con cá vảy bạc, vảy vàng...

Cũng có nhiều bể để chứa nước mưa nhằm phục vụ cho việc tưới cây hoa trong vườn. Chính giữa vườn là hòn non bộ trên đó trồng những cây màu xanh"¹⁷.

Như vậy, ngay từ thời chúa Nguyễn, nhất là từ khi Huế trở thành đô phủ của họ Nguyễn ở Đàng Trong, vườn Ngự đã xuất hiện và ngày càng được hoàn thiện theo hướng gia tăng tính cầu kỳ, tỷ mỹ. Dựa vào tư liệu, chúng ta có thể hình dung phần nào về các Ngự viên này: vườn nằm trong khuôn viên phủ chúa, trong có hồ nước, bể cá, non bộ, cổng nước, cầu cong, và nổi bật nhất, vườn là nơi tập hợp các loài cây, hoa quý từ muôn nơi đưa về...

Xương lăng (lăng Thiệu Trị) và Khiêm lăng (lăng Tự Đức) là những lăng tẩm nhưng lại mang tính chất của những ly cung – vườn ngự rất độc đáo

2.2. Vườn cung đình Việt Nam trong thời Nguyễn

Đầu thế kỷ XIX, sau khi thống nhất đất nước và lập ra triều Nguyễn, vua Gia Long đã chọn Huế để xây dựng kinh đô. Huế đã được xây dựng thành một đô thị hoàn chỉnh và được ca ngợi là “một kiệt tác về kiến trúc thơ đô thị”, một thành phố vườn tuyệt đẹp. Trong thời thịnh Nguyễn, tại Kinh đô Huế đã có hàng chục khu vườn ngự với nhiều loại hình khác nhau. Nhìn theo chiều lịch đại, có thể chia quá trình phát triển, suy tàn của loại hình vườn cung đình Huế thành 3 thời kỳ:

– Thời kỳ hình thành đầu triều Nguyễn, tương đương với thời vua Gia Long (1802 – 1819). Đây là giai đoạn một số khu vườn Ngự có lẽ đã bắt đầu được xây dựng nhưng còn đơn giản, chủ yếu còn mang dạng hoa viên chung trong Hoàng thành nên ít được các tư liệu đề cập. Điều này có thể là do trong giai đoạn đầu mới thống nhất và ổn định đất nước nên vua Nguyễn chưa kịp xây dựng các Ngự viên cầu kỳ, nhưng cũng có thể do tính cách của vị vua đầu triều vốn xuất thân từ võ tướng: vua Gia Long thích sự đơn giản, phóng khoáng. Thành tựu lớn nhất của kiến trúc các khu vườn Hoàng gia lúc này lại chính là Thiên Thọ lăng (lăng Gia Long), khu lăng tẩm mênh mông rộng hơn 2.800ha mang đậm màu sắc một khu vườn sinh thái mà đích thân vị vua đã thiết kế riêng cho mình.

– Thời kỳ phát triển rực rỡ, tương đương với giai đoạn trị vì của 3 vị vua tiếp theo của triều Nguyễn là Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức (1820 – 1883). Đây là thời kỳ hàng loạt Ngự viên được xây dựng, dạng thức cũng rất phong phú, có loại vườn Ngự mang dạng hoa viên chốn cung cấm (cung uyển), như vườn Thiệu

Phuong, vườn Cơ Hạ, Doanh Châu, Ngự Viên, cung Trường Ninh; có loại mang tính chất biệt cung – hoa viên như hồ Tịnh Tâm, vườn Thư Quang, vườn Thường Mậu, cung Khánh Ninh, cung Bảo Định...; có loại mang màu sắc của những lý cung tách rời khỏi Kinh thành như Thiên Thọ lăng, Hiếu lăng, Xương lăng, Khiêm lăng, Dũ Dã Viên...

Mỗi dạng thức Ngự viên này đều có những đặc điểm riêng và đều mang đậm tính chất quý tộc cung đình, riêng có ở Kinh đô Huế.

– Thời kỳ suy tàn, tương đương với giai đoạn cuối của triều Nguyễn (1884 – 1945). Trong giai đoạn này, do tình cảnh đất nước và triều đại, các vua Nguyễn – thực chất đều là những ông vua bù nhìn – đều không đủ điều kiện hoặc do chịu tác động mạnh mẽ của văn minh Tây phương nên đều bỏ bê hoặc triệt giải các Ngự viên.

Sử liệu triều Nguyễn đã có những ghi chép khá rõ về các khu vườn cung đình tại Huế, nhất là trong thời kỳ các vua Minh Mạng, Thiệu Trị và Tự Đức. Đặc biệt, những bộ sử lớn còn xếp phần ghi chép về vườn vào những mục riêng (*Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* xếp vào mục “Viên hồ”, *Đại Nam nhất thống chí* xếp vào mục “Uyển hựu”).

Căn cứ vào tư liệu, chúng tôi đã thống kê và phân loại được 32 khu vườn cung đình với các loại hình khác nhau như sau:

BẢNG THỐNG KÊ CÁC VƯỜN NGỰ THỜI NGUYỄN

TT	Tên gọi	Năm xây dựng	Vị trí	Phân loại
1	Thiệu Phương viên	1828	Trong Tử cấm thành	Cung uyển
2	Ngự Viên	1821	Trong Tử cấm thành	Cung uyển
3	Doanh Châu	1821	Phía bắc, ngoài Tử cấm thành	Cung uyển
4	Cơ Hạ viên	1839, 1843	Phía đông, ngoài Tử cấm thành	Cung uyển
5	Trường Ninh Cung	1821	Phía tây bắc, ngoài Tử cấm thành	Cung uyển
6	Tịnh Tâm hồ	1821, 1838	Phía đông bắc Hoàng thành	Biệt cung – Ngự viên
7	Thư Quang viên	1836	Phía bắc Hoàng thành	Biệt cung – Ngự viên
8	Thường Mậu viên	1840	Phía tây bắc Hoàng thành	Biệt cung – Ngự viên
9	Thường Thanh viên	1836	Phía đông bắc, trong Kinh thành	Ngự viên
10	Khánh Ninh	1825	Bắc Ngự Hà trong Kinh thành	Biệt cung – Ngự viên
11	Bảo Định cung	1845	Phía nam vườn Thường Mậu	Biệt cung – Ngự viên
12	Xuân viên	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên

13	Chí Khánh	1841	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
14	Phong Trạch	1841	Phường Nhuận Trạch trong Kinh thành	Ngự viên
15	Diễm Lục	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
16	Tư Mậu	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
17	Thanh Phương	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
18	Tiên Nhuận	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
19	Phồn Phong	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
20	Tư Thạnh	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
21	Thuý Mỹ	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
22	Mậu Hanh	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
23	Vinh Xương	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
24	Tú Phát	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
25	Vĩnh Ấm	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
26	Vĩnh Tú	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
27	Vĩnh Lệ	1838	Phía tây ngoài Kinh thành	Ngự viên
28	Thiên Thọ Lăng	1814 – 1820	Định Môn – Hương Trà	Lăng tẩm – Ly Cung
29	Hiếu Lăng	1840 – 1843	An Bằng – Hương Trà	Lăng tẩm – Ly Cung
30	Xương Lăng	1847	Cư Chánh – Hương Thủy	Lăng tẩm – Ly Cung
31	Khiêm Lăng	1864 – 1867	Dương Xuân – Hương Thủy	Lăng tẩm – Ly Cung
32	Dũ Dã viên	1868	Trên cồn Dã viên	Ly cung – Ngự viên

Bảng thống kê cho chúng ta thấy:

– Loại Ngự viên mang tính chất cung uyển có 5 vườn (từ 1 – 5) và đều nằm bên trong Hoàng thành, Tử cấm thành. Đây là những Ngự viên quy mô nhỏ nhưng rất quan trọng, là những vườn hoa chốn cung cấm dành cho bậc đế vương nghỉ ngơi, giải trí ngay sau những buổi triều hạ giải quyết chính sự.

– Loại Ngự viên mang tính chất biệt cung cũng chỉ có khoảng 6 khu vườn (từ 6 – 11), có cái là cung điện riêng của một vị hoàng đế (như cung Khánh Ninh của vua Minh Mạng, cung Bảo Định của vua Thiệu Trị), có cái là hoa viên chung được kế thừa qua nhiều đời vua (như hồ Tịnh Tâm, vườn Thư Quang, vườn Thường Mậu, vườn Thường Thanh). Chúng có đặc điểm chung là vừa mang tính chất của biệt cung lại vừa có tính chất của hoa viên, và đều nằm tách biệt với Hoàng cung.

– Loại vườn Hoàng gia mà chúng tôi gọi chung là ngự viên có số lượng khá phong phú (từ 12–27), chủ yếu là nằm ở phía tây bên ngoài Kinh thành, tức tại vùng Kim Long, Vạn Xuân ngày nay. Đa số chúng là những vườn trồng cây ăn quả, cây hoa lớn, ít có công trình kiến trúc. Đây là những khu vườn được xây dựng đồng loạt cuối thời Minh Mạng để dành cho nhà vua cùng gia đình thỉnh thoảng về nghỉ ngơi thư giãn.

– Các khu lăng tẩm của các vua Nguyễn, chủ yếu là của 4 vị vua đầu triều, thực ra không phải là các Ngự viên nhưng vai trò, chức năng của chúng lại thể hiện khá rõ tính chất của các ly cung với đặc trưng nổi trội của kiến trúc vườn cảnh với đầy đủ các yếu tố kiến trúc vườn đặc trưng như hồ nước, non bộ, cây cảnh, hoa cỏ và các hình thái kiến trúc đa dạng. Riêng Dũ Dã viên của vua Tự Đức thì thực sự là một ly cung mang hình thái vườn ngự nhưng đồng thời lại rất gần gũi với kiểu vườn dân gian vùng Huế.

Tuy nhiên, sự phân loại trên của chúng tôi chỉ hoàn toàn có tính chất tương đối, chủ yếu là nhằm làm khu biệt đặc điểm của các loại Ngự viên.

3. Một số đặc trưng nổi bật của vườn cung đình Việt Nam

Nghiên cứu cấu trúc của các loại hình vườn cung đình Việt Nam, nhất là giai đoạn đỉnh cao của chúng trong thời Nguyễn, chúng tôi bước đầu rút ra một số nhận xét về đặc điểm của loại hình kiến trúc này như sau:

3.1. Yếu tố mặt nước có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng và cấu trúc các Ngự viên. Tất cả các Ngự viên đều có diện tích mặt nước rất đáng kể dưới nhiều hình thức khác nhau: hồ, ao, khe, ngòi... Yếu tố mặt nước thường được sử dụng làm nền hoặc phối cảnh cho các công trình kiến trúc, tạo nên vẻ mềm mại, thơ mộng đặc biệt của cảnh quan. Ngay trong giai đoạn đầu của chế độ phong kiến dưới triều Tiền Lê, Lý, Trần, việc xây dựng các Ngự viên đã gắn liền với yếu tố mặt nước. Đến thời Nguyễn thì đặc điểm này càng trở nên nổi bật. Hầu như tất cả các Ngự viên của triều Nguyễn đều gắn với mặt nước rộng lớn. Có những Ngự viên như Doanh Châu, Cơ Hạ viên, Tịnh Tâm hồ... nghệ thuật kết hợp giữa kiến trúc với yếu tố mặt nước theo thủ pháp “Thần tiên tam đảo” đã đạt đến trình độ rất cao.

Bên cạnh đó, sự kết hợp sơn – thủy thông qua sự phối trí giữa dòng nước với các non bộ, giả sơn cũng hết sức phổ biến và đạt đến trình độ tinh tế.

3.2. Quy mô các Ngự viên Việt Nam đều khá khiêm tốn, ngay cả dưới thời Nguyễn (trừ các khu lăng tẩm), nhưng các loại hình kiến trúc rất đa dạng.

Ở các triều đại trước thời Nguyễn, do thiếu tư liệu nên hầu như chúng ta chỉ biết được phần nào hình ảnh của những cung uyển (vườn xây ngay trong cung cấm). Nhưng dưới thời Nguyễn thì loại hình vườn cung đình rất đa dạng.

Các Ngự viên triều Nguyễn thường chỉ có quy mô vài ba mẫu, Tịnh Tâm hồ thuộc hàng lớn nhất cũng chỉ đạt đến 20 mẫu (10ha), tuy nhiên các công trình kiến trúc trong Ngự viên lại rất phong phú về thể loại và đa dạng về hình thức. Về thể loại thì có điện, đường, lầu, các, tạ, quán, tỳ, trai, đình, hiên, lang, kiêu, cổng... Về hình thức, thì có loại 1 gian, 3 gian, 5 gian, 1 tầng, 2 tầng, 3 tầng...; bình diện hình vuông, tròn, lục giác, bát giác...; mái lợp ngói ống, ngói âm dương, ngói liệt, men vàng, men xanh...; hành lang thì có trường lang, dực lang, vạm tỳ hồi lang... Các công trình này hầu hết đều có quy mô nhỏ, kết cấu có thể đơn giản nhưng rất tinh xảo và trang nhã, được bố trí hài hoà với cảnh trí chung. Đặc điểm này cho thấy, dù về hình thức và tên gọi vườn cung đình thời Nguyễn khá giống các Ngự viên của triều Minh – Thanh ở phương Bắc, nhưng trên thực tế chúng lại chịu ảnh hưởng sâu sắc nghệ thuật vườn cảnh vùng Giang Nam của Trung Quốc¹⁸.

Nổi bật trong các loại hình kiến trúc trong các Ngự viên thời Nguyễn là kiểu kiến trúc hành lang. Đây là một dạng kiến trúc đơn giản, nhưng khá đa dạng về kiểu thức: hành lang, trường lang, hồi lang, dực lang, thủy lang... nhiệm vụ chủ yếu đóng vai trò nối kết giữa các công trình chính. Nhờ sự ứng dụng linh hoạt mà loại hình kiến trúc tưởng như phụ này lại tạo nên một vẻ đẹp mềm mại, uyển chuyển rất riêng của các Ngự viên. Kiến trúc hành lang đã tạo nên kết cấu “Vương Tỳ Điện” đặc sắc ở Trường Ninh Cung, tạo nên “Vạm Tỳ Hồi Lang” độc đáo ở Thiệu Phương Viên; ở Cơ Hạ Viên thì có “Tứ Phương Ninh Mật Hồi Lang” gắn liền với 16 bài thơ Ngự chế nổi tiếng của vua Thiệu Trị; tại Tịnh Tâm hồ thì nhờ hệ thống hồi lang dài đến 144 gian mà 3 hòn đảo thần tiên được nối liền thông suốt với nhau...

3.3. Đối với các hình thức đắp núi, xây non bộ, vườn cung đình Việt Nam cũng coi trọng và xem như thành tố không thể thiếu trong cấu trúc vườn. Tuy nhiên, cả trong tư liệu và trên thực tế hiện còn ở Huế, đều không thấy những non bộ có quy mô lớn như ở vườn ngự Trung Quốc. Việc đắp núi và tạo các hang động cũng ít phổ biến như ở vườn Trung Quốc. Người Việt cũng ít dùng các viên đá lớn có hình thù kỳ quái (Trung Quốc gọi là kỳ thạch hay quái thạch) xếp đơn lẻ mà chủ yếu là xây đắp các non bộ từ gạch hoặc đá nhỏ. Đây có lẽ là đặc điểm của người phương Nam, ít sùng bái đá mà chú trọng hơn yếu tố nước?

3.4. Đối với các loại động thực vật được nuôi trồng trong vườn cung đình, Việt Nam cũng như Trung Quốc đều là những sưu tập của các loại thực vật, động vật quý của cả nước. Thực vật thì gồm các loại kỳ hoa dị thảo đưa về từ muôn nơi; động vật thì có đủ cả chim, thú, cá cảnh quý hiếm... Nhưng đó là đối với loại hình cung uyển. Còn với các loại hình vườn cung đình khác thì xem ra người Việt chú trọng đến yếu tố tự nhiên hơn. Ở các biệt cung, ly cung thời Nguyễn, cây cối phần nhiều là loài cây bản địa tự nhiên (gồm cả cây ăn quả, cây hoa, cây lấy gỗ...), cá nuôi cũng là cá tự nhiên chứ hầu như không nuôi cá cảnh nhiều màu sắc. Đặc biệt,

thời Nguyễn còn có khu vườn Dữ Dã trên đảo Dã Viên được thiết kế hết sức gần gũi với các khu vườn dân dã của xứ Huế.

4. Hiện trạng và khả năng phục hồi vườn cung đình Việt Nam

4.1. Hiện trạng

Có thể khẳng định rằng, cho đến nay, ngoài Cố đô Huế, không có nơi nào khác ở Việt Nam còn tồn tại hình thái vườn cung đình. Mặc dù tại khu vực Hoàng thành Thăng Long cũng đã phát hiện một số dấu tích về vườn cung đình của các triều đại Hậu Lê trở về trước, nhưng khả năng khôi phục diện mạo những khu vườn cung đình này cũng hết sức khó khăn.

Ngay tại Huế, cố đô cuối cùng của chế độ quân chủ phong kiến Việt Nam, các hình thái vườn cung đình cũng còn bảo tồn được khá hạn chế.

Như chúng tôi đã đề cập ở trên, trừ các lăng tẩm của các vua triều Nguyễn còn lại hầu như hệ thống vườn Ngự đã suy tàn vào giai đoạn cuối của triều đại này, thời gian, thiên tai và chiến tranh càng góp phần huỷ hoại các dấu tích xưa. Những dấu tích còn lại của hệ thống kiến trúc đặc biệt này chủ yếu là:

– Trên thực địa: chỉ còn các phế tích ngự uyển trong khu vực Hoàng thành (Ngự viên, Thiệu Phương viên, Cơ Hạ viên, Doanh Châu, Trường Ninh cung), hồ Tịnh Tâm, vườn Thư Quang, Dữ Dã viên. Các khu lăng tẩm của vua Nguyễn thì còn tương đối nguyên vẹn.

– Trên các tư liệu: chủ yếu là trên tư liệu viết (tư liệu lịch sử, thơ văn ngự chế của các vua Nguyễn...) cùng các hình ảnh trên tranh thêu, tranh gương, tranh mộc bản... Hiện nay, ngoài các tư liệu lịch sử và văn học do triều Nguyễn để lại, chúng tôi còn thống kê được 16 bức tranh gương, 66 bản in tranh mộc bản (chủ yếu là trong bộ *Ngự đề danh thắng đô hội thi tập* của vua Thiệu Trị), một số bức tranh thêu và hơn 200 bài thơ Ngự chế của vua Minh Mạng, vua Thiệu Trị... vẽ và đề vịnh các cảnh vườn Ngự của triều Nguyễn.

4.2. Khả năng phục hồi và phát huy giá trị

Chúng tôi cho rằng, chỉ có ở Huế mới có khả năng thực hiện được công tác phục hồi và phát huy giá trị của vườn cung đình.

Mặc dù cho đến nay, các dấu tích về hệ thống vườn Ngự tại Huế cũng không còn nhiều nhưng vẫn là khá quan trọng cả tại Việt Nam. Theo chúng tôi, trên cơ sở chọn lọc để phục hồi một số khu vườn Ngự tiêu biểu theo hướng bảo tồn thích nghi thì công việc này vẫn có khả năng thực hiện được. Ý kiến của chúng tôi dựa trên các cơ sở sau đây:

– Hiện nay tại Cố đô Huế đang có nhu cầu bức thiết của chính quyền và nhân dân về việc phục hồi các di tích đã mất nhằm đáp ứng các nhu cầu thường thức văn hoá và phát triển kinh tế du lịch. Trong hệ thống di tích danh thắng của Huế hiện vẫn còn vắng bóng các khu vườn Ngự, một yếu tố quan trọng làm nên nét quyền rũ và vẻ đẹp quý tộc của đất cố đô, một thành phố vườn nổi tiếng.

– Hiện nay, sự nghiệp bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá tại Huế đang có sự hậu thuẫn mạnh mẽ của Chính phủ và các tổ chức quốc tế. Việc Tổ chức UNESCO đã công nhận quần thể di tích Cố đô trở thành Di sản văn hoá thế giới cùng sự quan tâm giúp đỡ của các tổ chức quốc tế (về cả tài chính và kỹ thuật); việc Chính phủ Việt Nam hết sức quan tâm và đã phê duyệt Dự án Quy hoạch, Bảo tồn và Phát huy giá trị Di tích Cố đô Huế, 1996 – 2010, với tổng giá trị đầu tư đến 720 tỷ đồng Việt Nam (nay đang được đề nghị điều chỉnh lên khoảng 3.000 tỷ đồng và kéo dài thời gian đến năm 2020) là những điều kiện và cơ sở rất quan trọng để các dự án phục hồi vườn Ngự trở nên khả thi.

– Hiện nay, cũng chỉ duy nhất tại Huế mới có đủ căn cứ khoa học và thực tiễn để phục hồi một số Ngự viên tiêu biểu của thời Nguyễn, như Thiệu Phương viên, Cơ Hạ viên, Tịnh Tâm hồ, Dũ Dã viên và các khu lăng tẩm.

Trên cơ sở tập hợp và nghiên cứu các nguồn tư liệu và bằng phương pháp nghiên cứu liên ngành, đặc biệt quan trọng là nghiên cứu khảo cổ học, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng được hệ thống căn cứ khoa học và thực tiễn cho các dự án phục hồi các Ngự viên của triều Nguyễn. Và lại, chúng ta có thể kế thừa những kinh nghiệm của các nước tiên tiến trong việc phục hồi các Ngự viên (như Trung Quốc đã phục hồi Di Hoà viên của triều Thanh, Nhật Bản đã phục hồi khá thành công các khu vườn Ngự tại Kinh đô Na Ra từ thế kỷ VIII mà chủ yếu chỉ thông qua phương pháp nghiên cứu khảo cổ học v.v...).

Tuy nhiên, đây chỉ là một ý kiến cá nhân. Việc nghiên cứu và phục hồi một số khu vườn cung đình tiêu biểu của Việt Nam sẽ được tiến hành như thế nào thì còn phải thảo luận rất nhiều. Tham luận này chỉ là sự gợi mở.

CHÚ THÍCH

- ¹ Nguyễn Hoàng Huy, *Vườn cảnh phương Đông*, NXB Văn hoá, Hà Nội, 1997, tr.17.
- ² Lữ Tùng Vân, Lưu Thi Trung, *Trung Quốc cổ đại kiến trúc từ điển*, Bắc Kinh thị Nghiên cứu Văn vật sở xuất bản, Bắc Kinh, 1991, tr.205.
- ³ Nội các triều Lê – Trịnh, *Đại Việt sử ký toàn thư*, dịch theo bản năm Lê Chính Hòa (1697), tập 1, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1993, tr.252.
- ⁴ “Thần tiên tam đảo” được xem là một trong những thủ pháp đặc sắc của nghệ thuật cấu trúc viên lâm. Theo truyền thuyết Trung Hoa, 3 ngọn núi Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu là 3 trong số 5 ngọn núi của tiên giới nổi trên mặt biển (hai ngọn kia đã bị trôi

đi). Tần Thủy Hoàng khi xây dựng lâm uyển đã cho đào hồ lớn, trên đắp núi Bồng Lai. Hán Võ Đế khi xây dựng Chương Cung cũng cho đào hồ Thái Dịch, trong hồ đắp 3 ngọn núi Bồng Lai, Phương Trượng, Doanh Châu... Điều này một mặt phản ánh khát vọng đi tìm tiên cảnh trên trần gian của con người, mặt khác cũng phản ánh sự tìm tòi để sáng tạo ra một kiểu bố cục mới của nghệ thuật tạo vườn. Bởi nước là một bộ phận khó có thể tách rời của kiến trúc viên lâm. Không có nước thì rất khó tạo vườn, nhưng chỉ có mặt nước không thì cũng không thể tạo nên cảm xúc. “Thần tiên tam đảo” chính là thủ pháp giải quyết được một cách tuyệt vời mâu thuẫn trên. Trên mặt nước có 3 hòn đảo, trên đảo lại có các công trình điện đường, lầu các... rõ ràng là mang ý vị của chốn thần tiên. Các Ngự viên nổi tiếng nhất của Trung Hoa đều ứng dụng thủ pháp này.

- ⁵ Nội các triều Lê – Trịnh, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập 1, tr.305.
- ⁶ Nội các triều Lê – Trịnh, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập 1, tr.138.
- ⁷ Khuyết danh, *Đại Việt sử lược*, bản dịch của Nguyễn Gia Tường, NXB Tp. Hồ Chí Minh, Bộ môn châu Á học, Trường Đại học Tổng hợp Tp. Hồ Chí Minh, 1991, tr.139.
- ⁸ Khuyết danh, *Đại Việt sử lược*, sđd, tr.150.
- ⁹ Nội các triều Lê – Trịnh, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập 1, tr.143.
- ¹⁰ Nội các triều Lê – Trịnh, *Đại Việt sử ký toàn thư*, sđd, tập 3, tr.74.
- ¹¹ Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, *Thượng kinh ký sự*, bản dịch của Ứng Nhạc Vũ Văn Đình, NXB Văn học, Hà Nội, 1993, tr.30.
- ¹² Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác, *Thượng kinh ký sự*, sđd, tr.41.
- ¹³ Phạm Đình Hổ, *Vũ trung tùy bút*, NXB Trẻ - Hội Nghiên cứu giảng dạy Văn học, Tp. Hồ Chí Minh, 1989, tr.12 - 13.
- ¹⁴ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, Bản dịch của Viện Sử học, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tập 1, tr.98.
- ¹⁵ Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam thực lục*, sđd, tập 1, tr.158.
- ¹⁶ Giáo sỹ Jean Koffler là người từng sống tại Đàng Trong từ năm 1740 – 1755. Năm 1747, ông đã được Võ Vương phong làm bác sỹ riêng của chúa. Các mô tả của Jean Koffler được xuất bản lần đầu năm 1803 (NXB Monath và Kussler) sau đó được dịch ra tiếng Pháp và giới thiệu trên *Tạp chí Đông Dương*, chương XV (tháng 1 – 6/1911) và chương XVI (tháng 7 – 12/1912).
- ¹⁷ Léopold Cadière, *Thủ phủ các chúa Nguyễn ở Đàng Trong trước Gia Long*, B.E.F.E.O, 1916, bản dịch của Nguyễn Thị Thuý Vi, Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế, tr.120.
- ¹⁸ Khái niệm “Bắc phương viên lâm” là dùng để chỉ hệ thống vườn cung đình cực kỳ phát triển thời Minh Thanh tại phương Bắc, mà các khu vườn của Hoàng gia tại Bắc Kinh, Thừa Đức là đại diện tiêu biểu. Người ta cũng thường dùng khái niệm này để so sánh hệ vườn phương Nam (Giang Nam viên lâm). Viên lâm phương Bắc có bố cục chỉnh thể nghiêm ngặt, lấy sơn thủy tự nhiên làm chủ nhưng hầu như không thoát khỏi phương thức bố trí theo trục tuyến, đăng đối và đơn điệu. Trong viên lâm, các công trình kiến trúc có quy mô và thể lượng lớn, tỷ lệ thích đáng với vẻ hùng vĩ của không gian sơn thủy tự nhiên, nhưng kiến trúc được tạo hình khá nặng nề. Do đối tượng phục vụ là vua chúa và giai cấp quý tộc nên các kiến trúc rất huy hoàng tráng lệ, màu sắc chói lọi, biểu thị đáng về chí tôn hiển hách của Hoàng gia. Còn “Giang Nam viên lâm” tức chỉ dải vườn của tư nhân từ Dương Châu, Vô Tích, Tô Châu, Hàng Châu đến Nam Kinh. Hệ thống vườn này được bố trí trong các không gian

khá giới hạn gắn liền với kiến trúc nhà ở. Vì vậy nên cách kết hợp địa hình, vận dụng các thủ pháp làm vườn để tạo ra không gian cảnh vườn có sơn có thủy, có hoa có mộc, lấy ít biểu thị nhiều, nhìn cái nhỏ ra cái lớn... rất được chú trọng. Do đối tượng phục vụ chỉ là số ít (chủ vườn) và bố trí trên không gian nhỏ nên hầu hết các vườn đều có dòng nước chảy quanh co, núi đá lung linh ẩn hiện, kiến trúc nhỏ mà tinh xảo... tạo cho người ta cảm giác thanh tâm đạm nhĩ, khúc triết u tịch của khu vườn.